

9. DIỄN GIẢI KINH VỀ MĀGANDIYA (MĀGANDIYASUTTANIDDESO)

Giờ phân “Diễn giải kinh về Māgandiya” được nói đến:

- 9.1.** *Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái,
Ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có.
Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây?
Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân.*

Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái, ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có: Sau khi nhìn thấy ba người con gái của Ma vương là Taphā, Aratī và Ragā (tham ái, bất mãn và luyến ái), sự mong muốn về việc đôi lứa, hoặc luyến ái, hoặc yêu thương đã không hiện hữu.

“Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái, ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có” là như thế.

Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân: Thân xác này được chứa đầy nước tiểu, được chứa đầy phân, được chứa đầy mủ, được chứa đầy máu, được kết nối bởi những khúc xương, được buộc chung lại bằng những sợi gân, được bôi trét với máu và thịt, được bao bọc bởi lớp da trong, được che đậy bởi lớp da ngoài, được đục thủng ở nhiều lỗ đang rò rỉ bên trên, đang rò rỉ bên dưới, được lai vãng bởi tập thể dòi bọ, được tràn đầy bởi những thứ xấu xa dơ bẩn nhiều loại, là cái gì đây? Ta không muốn đặt bàn chân lên nó, vậy thì làm sao có được sự sống chung hay sự kết hợp với nhau?

“Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây? Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sau khi nhìn thấy tham ái, bất mãn và luyến ái,
Ngay cả sự mong muốn về việc đôi lứa đã không có.
Vật được chứa đầy nước tiểu và phân này là cái gì đây?
Ta không muốn chạm đến nó dầu là bàn chân.”*

- 9.2.** *Nếu Ngài không ước muốn báu vật như thế này, một người nữ được ước nguyện bởi nhiều vị vua chúa, vậy Ngài nói về quan điểm, về giới, về phận sự, về cuộc sống, và về sự sanh lên của hiện hữu [của bản thân] thuộc loại như thế nào?*

Māgandiya hỏi rằng: “Con người trong khi ước nguyện các dục ở cõi trời

thì không ước muốn các dục thuộc loài người, hoặc là trong khi ước nguyện các dục thuộc loài người thì không ước muốn các dục ở cõi trời, điều này không kỳ lạ chút nào; còn Ngài lại không ước muốn, không ưng thuận, không ước nguyện, không mong cầu, không nguyện cầu luôn cả hai điều này, vậy quan điểm của Ngài là gì? Ngài có quan điểm thuộc loại nào?”

“Nếu Ngài không ước muốn báu vật như thế này, một người nữ được ước nguyện bởi nhiều vị vua chúa, vậy Ngài nói về quan điểm, về giới, về phạm sự, về cuộc sống, và về sự sanh lên của hiện hữu [của bản thân] thuộc loại như thế nào?”

9.3. [Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] việc: ‘Ta nói điều này’ là không có đối với Ta đây, sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến, trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần.”

Việc: “Ta nói điều này” là không có đối với Ta đây.

Ta nói điều này: Ta nói điều này, Ta nói điều ấy, Ta nói chừng này, Ta nói bấy nhiêu, Ta nói tà kiến này: “Thế giới là thường còn”,... (nt)... hoặc “Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết.”

Là không có đối với Ta đây: Là không thuộc về Ta; việc “Ta nói bấy nhiêu” là không có đối với Ta đây.

“Việc: ‘Ta nói điều này’ là không có đối với Ta đây” là như thế.

Māgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya” là như thế.

Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp.

Trong số các pháp: Trong số sáu mươi hai tà kiến.

Sau khi suy xét: Sau khi đã suy xét, sau khi đã suy cứu, sau khi đã suy gẫm, sau khi đã suy nghiệm, sau khi đã cân nhắc, sau khi đã xác định, sau khi đã minh định, sau khi đã làm rõ rệt, sự nắm lấy có giới hạn, sự nắm lấy từng phần, sự nắm lấy phần quan trọng nhất, sự nắm lấy một khối, sự nắm lấy theo số lượng, sự nắm lấy tổng thể rằng: “Điều này là sự thật, là đúng đắn, là thực thể, là đang xảy ra, là xác đáng, là không bị sai lệch”, điều đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến như thể là không có, không hiện diện, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp” là như thế.

Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến: Trong khi

nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” là như vậy.

Hoặc là “‘thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rõ đại’, điều này là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, có sự khổ, có sự tàn hại, có sự lo âu, có sự bức bối, không đưa đến nhàm chán, không đưa đến việc xa lìa luyến ái, không đưa đến sự tịch diệt, không đưa đến sự yên tịnh, không đưa đến thắng trí, không đưa đến sự giác ngộ, không đưa đến Niết-bàn”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” là như vậy.

Hoặc là “‘thế giới là không thường còn, thế giới là có giới hạn, thế giới là không có giới hạn, mạng sống và thân thể là một, mạng sống và thân thể là khác, chúng sanh hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết, chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rõ đại’, điều này là sự đi đến tà kiến, có sự nắm giữ của tà kiến, có sự hiểm trở của tà kiến, có sự bóp méo của tà kiến, có sự xáo động của tà kiến, có sự ràng buộc của tà kiến, có sự khổ, có sự tàn hại, có sự lo âu, có sự bức bối, không đưa đến nhàm chán, không đưa đến việc xa lìa luyến ái, không đưa đến sự tịch diệt, không đưa đến sự yên tịnh, không đưa đến thắng trí, không đưa đến sự giác ngộ, không đưa đến Niết-bàn”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” còn là như vậy.

Hoặc là “các tà kiến này được nắm lấy như vậy, được bám víu như vậy sẽ có cảnh giới tái sanh như vậy, có đời sống sau như vậy”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” còn là như vậy.

Hoặc là “các tà kiến này dẫn đến địa ngục, dẫn đến loài thú, dẫn đến thân phận ngựa quý”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt. “Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” còn là như vậy.

Hoặc là “các tà kiến này là không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt”, trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến như thế, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến; hoặc là, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt.

“Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến” còn là như vậy.

Trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần.

Sự an tịnh ở nội phần: Là sự an tịnh của luyến ái, sự an tịnh của sân hận, sự an tịnh của si mê; sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh của giận dữ;... của thù hận;... của gièm pha;... của ác ý;... của ganh ty;... của bòn xén;... của xảo trá;... của lừa gạt;... của bưng bình;... của hung hăng;... của ngã mạn;... của cao ngạo;... của đam mê;... của xao lãng;... của tất cả ô nhiễm;... của tất cả uế hạnh;... của mọi sự lo lắng;... của mọi sự bức bối;... của mọi sự nóng nảy;... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện thuộc nội phần.

Trong khi khảo xét: Là đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là khổ”;... (nt)... “Tất cả các pháp là vô ngã”; đang khảo xét, đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.”

Ta đã nhìn thấy: Ta đã nhìn thấy là Ta đã nhận thấy, Ta đã nhìn xem, Ta đã thấu triệt.

“Trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] việc: ‘Ta nói điều này’ là không có đối với Ta đây, sau khi suy xét về điều đã được nắm bắt trong số các pháp [tà kiến]. Và trong khi nhìn thấy mà không bám níu vào các tà kiến, trong khi khảo xét, Ta đã nhìn thấy sự an tịnh ở nội phần.”

9.4. [Māgandiya nói rằng:] “Các phán đoán nào đã được xếp đặt, này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là ‘sự an tịnh ở nội phần’, điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?”

Các phán đoán nào đã được xếp đặt.

Các phán đoán: Nói đến sáu mươi hai tà kiến.

Đã được xếp đặt: Đã được sắp đặt, đã được xếp đặt, đã được tác thành, đã được thành lập. “Đã được xếp đặt” là như thế. Hoặc là, không thường còn, bị tạo tác, được sanh lên thuận theo điều kiện, có sự hoại, có sự diệt, có sự suy giảm, có sự chấm dứt, có sự biến đổi. “Đã được xếp đặt” còn là như thế.

“Các phán đoán nào đã được xếp đặt” là như thế.

Māgandīya nói rằng.

Rằng: Từ “*iti*” này gọi là sự nối liền các câu văn, sự kết hợp các câu văn, sự làm đầy đủ các câu văn, sự gặp gỡ của các âm, trạng thái trau chuốt từ ngữ, tính chất tuần tự của các câu văn.

Māgandīya: Là tên gọi, sự ấn định, sự chỉ định, sự quy định, sự diễn tả về người Bà-la-môn ấy.

“Māgandīya nói rằng” là như thế.

Này bậc Hiền trí, ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là “sự an tịnh ở nội phần.”

Chính chúng: Là sáu mươi hai tà kiến.

Này bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyền uyên và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Mà không bám níu: Ngài nói rằng: “Trong khi nhìn thấy sự bất lợi ở các tà kiến, Ta không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt các tà kiến”, và Ngài nói rằng: “Sự an tịnh ở nội phần.”

Điều nào có ý nghĩa: Điều nào có ý nghĩa tuyệt đối.

“Này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là ‘sự an tịnh ở nội phần’” là như thế.

Điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?

Thế nào? Các cụm từ “*evannu kho*”, “*na nu kho*”, “*kinnu kho*”, “*kathannu kho*” là câu hỏi do ngờ vực, câu hỏi do nhầm lẫn, câu hỏi vì hai nghĩa, câu hỏi do không dứt khoát. “Thế nào?” là như thế.

Bởi các bậc sáng trí: Do các bậc sáng trí, bởi các bậc sáng suốt, bởi các bậc có tuệ, bởi các bậc có sự giác ngộ, bởi các bậc có trí, bởi các bậc rành rẽ, bởi các bậc thông minh.

Đã được tuyên bố: Đã được cho biết, đã được tuyên bố, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được quy định, đã được thiết lập, đã được giải bày, đã được phơi bày, đã được tuyên thuyết.

“Điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn đã nói rằng:

[*Māgandīya nói rằng:*] “Các phán đoán nào đã được xếp đặt, này bậc Hiền trí, Ngài nói về chính chúng mà không bám níu. Điều nào có ý nghĩa là ‘sự an tịnh ở nội phần’, điều ấy đã được tuyên bố thế nào bởi các bậc sáng trí?”

9.5. [Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự. Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này, được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu.”

Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả¹ sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do nghe. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy và chỉ do nghe. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do trí.

“Không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí” là như thế.

Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya.

Māgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya” là như thế.

Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do phận sự. Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới và phận sự.

“Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phận sự” là như thế.

Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không

¹ Các động từ này đã được dịch theo văn bản của Miến Điện, Thái Lan và PTS. (ND)

nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự: Thấy cũng cần được mong muốn là việc thấy đúng [chánh kiến] về mười sự việc: Có bố thí, có dâng hiến, có cúng tế, có kết quả và sự thành tựu quả của các nghiệp đã được làm tốt hoặc được làm xấu, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các chúng sanh thuộc loại hóa sanh, có ở thế gian các vị Sa-môn và Bà-la-môn sống chân chánh, thực hành đúng đắn là những vị với thắng trí của mình chứng ngộ và công bố về thế giới này và thế giới khác. Nghe cũng cần được mong muốn là âm thanh từ người khác: [Gồm chín thể loại] *Sutta, Geyya, Veyyākaraṇa, Gāthā, Udāna, Itivuttaka, Jātaka, Abbhutadhamma, Vedalla*.² Trí cũng cần được mong muốn là trí về nghiệp của mình đã tạo, trí thuận theo chân lý, trí nhờ vào thắng trí và trí do sự chứng đạt. Giới cũng cần được mong muốn là sự thu thúc theo Giới bốn (*Pātimokkha*). Phạm sự cũng cần được mong muốn là tám pháp từ khước: Pháp của vị ngụ ở rừng, pháp của vị chuyên đi khát thực, pháp của vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, pháp của vị chỉ sử dụng ba y, pháp của vị đi khát thực tuân tự theo từng nhà, pháp của vị không ăn vật thực dâng sau, pháp của vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), pháp của vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định. “Do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự” là như thế.

Cũng không phải do [không có] điều ấy: Người đã đạt được sự an tịnh ở nội phần không phải chỉ nhờ vào việc thấy đúng [chánh kiến], không phải chỉ nhờ vào nghe, không phải chỉ nhờ vào trí, không phải chỉ nhờ vào giới, không phải chỉ nhờ vào phạm sự. Tuy nhiên, thiếu vắng các pháp ấy thì cũng không đạt đến sự an tịnh ở nội phần. Và hơn nữa, các pháp này là cần thiết để đạt đến, để chứng đắc, để chạm đến, để chứng ngộ sự an tịnh ở nội phần.

“Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự” là như thế.

Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này.

Các điều này: Sự dứt bỏ do việc thủ tiêu đối với các pháp thuộc phần đen là cần được mong muốn, trạng thái không còn tham ái ở các pháp thiện thuộc tam giới là cần được mong muốn. Khi nào các pháp thuộc phần đen được dứt bỏ nhờ vào sự dứt bỏ do việc thủ tiêu, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, và có trạng thái không còn tham ái ở các pháp thiện thuộc tam giới, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt [các pháp ấy]; hoặc là [các pháp ấy] sẽ không được nắm lấy, sẽ không được bám víu, sẽ không được chấp chặt. “Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này” là như vậy. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong

² Xem chú thích về ‘Chín thể loại giáo pháp’ ở trang 122. (ND)

tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt [các pháp ấy]. “Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này” còn là như vậy. Khi nào phúc hành, phi phúc hành, và bất động hành³ được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai, cho đến như thế thì [vị ấy] không còn nắm lấy, không còn bám víu, không còn chấp chặt.

“Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này” còn là như vậy.

Được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu.

Được an tịnh: Trạng thái được yên lặng của luyến ái là an tịnh, trạng thái được yên lặng của sân hận là an tịnh, trạng thái được yên lặng của si mê là an tịnh; trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa, trạng thái được tịch tịnh của giận dữ;... của thù hận;... của gièm pha;... của ác ý;... của ganh ty;... của bòn xén;... của xảo trá;... của lừa gạt;... của bướng bỉnh;... của hung hăng;... của ngã mạn;... của cao ngạo;... của đam mê;... của xao lãng;... của tất cả ô nhiễm;... của tất cả uế hạnh;... của mọi sự lo lắng;... của mọi sự bức bối;... của mọi sự nóng nảy;... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. “Được an tịnh” là như thế.

Không nương tựa: Có hai sự nương tựa: Nương tựa vào tham ái và nương tựa vào tà kiến. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tham ái. ... (nt)... điều này là sự nương tựa vào tà kiến. Sau khi dứt bỏ sự nương tựa vào tham ái, sau khi buông bỏ sự nương tựa vào tà kiến, không nương tựa vào mắt, không nương tựa vào tai, không nương tựa vào mũi, không nương tựa vào lưỡi, không nương tựa vào thân, không nương tựa vào ý, không nương tựa vào các sắc, các thanh, các hương, các vị, các xúc, các pháp, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tướng, cõi vô tướng, cõi phi tướng phi phi tướng, cõi một uẩn, cõi bốn uẩn, cõi năm uẩn, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt. “Được an tịnh, không nương tựa” là như thế.

Thì không còn tham muốn hữu: Sẽ không tham muốn dục hữu, sẽ không tham muốn sắc hữu, sẽ không tham muốn vô sắc hữu, sẽ không khởi tham muốn, sẽ không nguyện cầu.

“Được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

³ Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

[Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phạm sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự. Và sau khi đã xả bỏ, không bám níu vào các điều này, được an tịnh, không nương tựa, thì không còn tham muốn hữu.”

9.6. *[Māgandiya nói rằng:] “Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phạm sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự, tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ; một số người tin rằng trong sạch là do thấy.”*

Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy; người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do nghe;... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do thấy và chỉ do nghe;... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do trí.

“Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí” là như thế.

Māgandiya nói rằng:

Rằng: Là sự nối liền các câu văn,... (nt).

Māgandiya: Tên của vị Bà-la-môn ấy... (nt).

“Māgandiya nói rằng” là như thế.

Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phạm sự: Người ta đã không nói, đã không thuyết, đã không phát ngôn, đã không giảng giải, đã không diễn tả sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới;... (nt)... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do phạm sự;... (nt)... sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là chỉ do giới và phạm sự.

“Người ta đã nói rằng sự trong sạch không phải do giới và phạm sự” là như thế.

Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phạm sự: Người ta đã nói như

vậy: “Thấy cũng cần được mong muốn.” Người ta đã nói như vậy: “Nghe cũng cần được mong muốn.” Người ta đã nói như vậy: “Trí cũng cần được mong muốn.” Người ta đã nói như vậy: “Giới cũng cần được mong muốn.” Người ta đã nói như vậy: “Phận sự cũng cần được mong muốn.” Người ta đã không thể chấp thuận một cách dứt khoát, người ta đã không thể phủ nhận một cách dứt khoát.

“Cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự” là như thế.

Tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ: “Giáo lý mù mờ này của Ngài là giáo lý ngu dốt, là giáo lý lầm lạc, là giáo lý vô lý trí, là giáo lý trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt]”; tôi nghĩ như vậy, tôi biết như vậy, tôi hiểu như vậy, tôi nhận thức như vậy, tôi thừa nhận như vậy, tôi thấu triệt như vậy.

“Tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ” là như thế.

Một số người tin rằng trong sạch là do thấy: Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy. Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy [rằng]: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.” Một số Sa-môn và Bà-la-môn tin rằng sự trong sạch, sự thanh tịnh, sự hoàn toàn trong sạch, sự thoát khỏi, sự giải thoát, sự hoàn toàn thoát khỏi là do thấy [rằng]: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Một số người tin rằng trong sạch là do thấy” là như thế.

Vì thế, vị Bà-la-môn đã nói rằng:

[Māgandīya nói rằng:] “Nếu nói rằng sự trong sạch không phải do thấy, không phải do nghe, không phải do trí, không phải do giới và phận sự, cũng không phải do [không có] điều ấy là do không thấy, do không nghe, do không trí, do không giới, do không phận sự, tôi nghĩ rằng giáo lý [ấy] thật mù mờ; một số người tin rằng trong sạch là do thấy.”

9.7. [Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandīya] sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu, người đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt. Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức dầu là nhỏ nhoi; do đó, người ghi nhận [điều ấy] là mù mờ.”

Sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu: Bà-la-môn Māgandīya nương tựa vào việc thấy rồi hỏi về việc thấy, nương tựa vào sự dính mắc rồi hỏi về sự dính mắc, nương tựa vào sự cột trói rồi hỏi về sự cột trói, nương tựa vào sự vương bận rồi hỏi về sự vương bận.

Trong khi tìm hiểu: Là hỏi đi hỏi lại.

“Sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu” là như thế.

Māgandiya: Đức Thế Tôn xưng hô với vị Bà-la-môn ấy bằng tên.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Đức Thế Tôn nói: Này Māgandiya” là như thế.

Người đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt: Việc thấy nào đã được nắm lấy, đã được bám víu, đã được chấp chặt, đã được bám chặt, đã được hướng đến bởi người; chính do bởi việc thấy ấy người bị mê mẩn, người bị mê đắm, người bị mê muội, người đã đi đến sự mê mẩn, người đã đi đến sự mê đắm, người đã đi đến sự mê muội, người đã lao vào bóng tối.

“Người đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt” là như thế.

Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức đầu là nhỏ nhoi: Từ đây là từ sự an tịnh ở nội phần, hoặc từ sự thực hành, hoặc từ sự chỉ bảo pháp, [nếu] người không đạt được sự nhận thức đúng đắn, hoặc sự nhận thức chính xác, hoặc sự nhận thức về tướng trạng, hoặc sự nhận thức về nguyên nhân, hoặc sự nhận thức về sự việc, thì từ đâu mà người đạt được trí? “Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức đầu là nhỏ nhoi” là như vậy. Hoặc là [nếu] người không đạt được vô thường, hoặc sự phù hợp với nhận thức về vô thường, hoặc khổ não, hoặc sự phù hợp với nhận thức về khổ não, hoặc vô ngã, hoặc sự phù hợp với nhận thức về vô ngã, hoặc hiện tượng sanh khởi của tướng, hoặc ẩn chứng về tướng, thì từ đâu mà người đạt được trí?

“Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức đầu là nhỏ nhoi” còn là như vậy.

Do đó, người ghi nhận [điều ấy] là mù mờ.

Do đó: Là do điều ấy, bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy. Người ghi nhận, người nhìn thấy, người nhận thấy, người quan sát, người suy xét, người khảo sát là giáo lý ngu dốt, là giáo lý lầm lạc, là giáo lý vô trí, là giáo lý trườn uốn như con lươn [không thể nắm bắt].

“Do đó, người ghi nhận [điều ấy] là mù mờ” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

[Đức Thế Tôn nói: “Này Māgandiya] sau khi nương tựa vào việc thấy, trong khi tìm hiểu, người đã đi đến sự mê muội ở những điều đã được nắm bắt. Và từ đây người đã không tiếp thu sự nhận thức đầu là nhỏ nhoi; do đó, người ghi nhận [điều ấy] là mù mờ.”

9.8. Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém,

Kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy.

Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn,

Đối với người ấy không có [ý nghĩ]: “Bằng nhau” hay “đặc biệt.”

Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém, kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi

vì điều ấy: Kẻ nào nghĩ rằng: “Ta là ngang bằng”, hoặc “ta là tốt hơn”, hoặc “ta là thua kém”, do ngã mạn ấy, do quan điểm ấy, kẻ ấy gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ với người kia rằng: “Người không biết Pháp và Luật này, ta biết Pháp và Luật này, người sẽ biết gì về Pháp và Luật này? Người thực hành sai trái, ta thực hành đúng đắn, có lợi ích cho ta, không có lợi ích cho người, điều nên nói trước đã nói sau, điều nên nói sau đã nói trước, lẽ thói của người đã bị đảo lộn, học thuyết của người đã bị lên án, người bị phản đối, người hãy hành xử cho việc thoát ra khỏi lời nói [của mình], hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.”

“Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém, kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy” là như thế.

Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, đối với người ấy không có [ý nghĩ]: “Bằng nhau” hay “đặc biệt”: Đối với người nào, ba trạng thái kiêu mạn này là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, người ấy không rung động, không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn. Đối với người không lay động [ý nghĩ]: “Ta là ngang bằng”, hoặc “ta là tốt hơn”, hoặc “ta là thua kém.”

Đối với người ấy không có: Đối với ta không có.

“Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn, đối với người ấy không có [ý nghĩ]: ‘Bằng nhau’ hay ‘đặc biệt’” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bằng nhau, đặc biệt, hoặc thấp kém,

Kẻ nào nghĩ vậy, kẻ ấy sẽ tranh cãi vì điều ấy.

Người không lay động ở ba trạng thái kiêu mạn,

Đối với người ấy không có [ý nghĩ]: ‘Bằng nhau’ hay ‘đặc biệt’.”

9.9. Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: “Đây là chân lý”?

Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: “Đây là sai trái”?

Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có,

Vị ấy có thể vướng víu vào sự tranh luận với ai đây?

Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: “Đây là chân lý”?

Bà-la-môn: Do trạng thái đã loại trừ bảy pháp:⁴ ... (nt)... Không nương nhờ, tự tại, vị ấy được gọi là Bà-la-môn.

Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: “Đây là chân lý”? Vị Bà-la-môn có thể nói gì, có thể thuyết gì, có thể phát ngôn gì, có thể giảng giải gì, có thể diễn tả gì [cho rằng]: “Thế giới là thường còn; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rò rỉ”? Và vị Bà-la-môn có thể nói gì, có thể thuyết gì, có thể phát

⁴ Bà-la-môn do trạng thái đã loại trừ 7 pháp: Sự nhận thức sai trái về thân được loại trừ, sự hoài nghi được loại trừ, v.v... (xem 7 pháp ở trang 74). (ND)

ngôn gì, có thể giảng giải gì, có thể diễn tả gì [cho rằng]: “Thế giới là không thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rô đại.”

“Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: Đây là chân lý?” là như thế.

Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: “Đây là sai trái”? Do ngã mạn gì, do quan điểm gì mà vị Bà-la-môn [nghĩ rằng]: “Chân lý thuộc về chính ta, sai trái thuộc về người”, rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ với người nào rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng”?

“Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: Đây là sai trái?” là như thế.

Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có.

Ở vị nào: Ở người nào là bậc A-la-hán có lậu hoặc đã được cạn kiệt, sự ngã mạn [với ý nghĩ]: “Ta là ngang bằng” là không có, sự cao ngạo [với ý nghĩ]: “Ta là tốt hơn” là không có, sự tự ti [với ý nghĩ]: “Ta là thua kém” là không có, không hiện hữu, không tìm thấy, không tồn tại, đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ.

“Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có” là như thế.

Vị ấy có thể vương vী vào sự tranh luận với ai đây? Do ngã mạn gì, do quan điểm gì, vị ấy có thể vương vী vào sự tranh luận, có thể công kích, có thể gây ra sự cãi cọ, có thể gây ra sự cãi lộn, có thể gây ra sự cãi vã, có thể gây ra sự tranh cãi, có thể gây ra sự gây gổ với người nào rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng”?

“Vị ấy có thể vương vী vào sự tranh luận với ai đây?” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Vị Bà-la-môn ấy có thể nói gì [cho rằng]: ‘Đây là chân lý’?”

Hoặc vị ấy có thể tranh cãi với ai rằng: ‘Đây là sai trái’?

Ở vị nào [ý niệm so sánh] bằng nhau hay không bằng nhau là không có,

Vị ấy có thể vương vী vào sự tranh luận với ai đây?”

9.10. Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].

Khi ấy, gia chủ Haliddakānī đã đi đến gặp Đại đức Mahākaccāna, sau khi đến đã đánh lễ Đại đức Mahākaccāna rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, gia chủ Haliddakānī đã nói với Đại đức Mahākaccāna điều này: “Thưa Ngài Kaccāna, điều này đã được nói đến bởi đức Thế Tôn ở câu hỏi của Māgandiya thuộc Phẩm Nhóm tám:

“Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở, Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng, [Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng, Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].”⁵

“Thưa ngài Kaccāna, ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói một cách vắn tắt này nên được hiểu một cách rộng rãi như thế nào?”

“Này gia chủ, sắc giới⁶ là **chỗ ngụ** của thức. Hơn nữa, thức bị trói buộc bởi sự luyến ái ở sắc giới được gọi là ‘có sự vương vấn chỗ ngụ’. Này gia chủ, thọ giới... Này gia chủ, tưởng giới... Này gia chủ, hành giới là chỗ ngụ của thức. Hơn nữa, thức bị trói buộc bởi sự luyến ái ở hành giới được gọi là ‘có sự vương vấn chỗ ngụ’. Này gia chủ, ‘có sự vương vấn chỗ ngụ’ là như vậy.”

Và này gia chủ, thế nào là **không có sự vương vấn chỗ ngụ**? Này gia chủ, mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vương bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở sắc giới, đối với đức Như Lai các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là “không có sự vương vấn chỗ ngụ.” Này gia chủ, mong muốn nào, luyến ái nào, niềm vui nào, tham ái nào, các sự vương bận và chấp thủ nào là sự quyết định, sự chấp chặt, và sự tiềm ẩn của tâm ở thọ giới... Này gia chủ,... ở tưởng giới... Này gia chủ,... ở hành giới... Này gia chủ,... ở thức giới, đối với đức Như Lai các việc ấy đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là “không có sự vương vấn chỗ ngụ.” Này gia chủ, “không có sự vương vấn chỗ ngụ” là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **có sự vương vấn nhà ở**? Này gia chủ, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của sắc tướng được gọi là “có sự vương vấn nhà ở.” Này gia chủ, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của tinh tướng... của hương tướng... của vị tướng... của xúc tướng... của pháp tướng được gọi là “có sự vương vấn nhà ở.” Này gia chủ, “có sự vương vấn nhà ở” là như vậy.

Và này gia chủ, thế nào là **không có sự vương vấn nhà ở**? Này gia chủ, đối với đức Như Lai, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của sắc tướng đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là “không có sự vương vấn nhà ở.” Này gia chủ, đối với đức Như Lai, các sự vương vấn và trói buộc vào nét đặc trưng của tinh tướng... của hương tướng... của vị tướng... của xúc tướng... của pháp

⁵ *Suttanipāṭapāḷi* (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 269. (ND)

⁶ Theo Chú giải, sắc giới có nghĩa là sắc uẩn, “*rūpadhātūti rūpakkhando adhippeto*” (*NidA*. II. 310).

tướng đã được dứt bỏ, có rễ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn các điều kiện sanh khởi trong tương lai; vì thế đức Như Lai được gọi là “không có sự vương vấn nhà ở.” Đây gia chủ, “không có sự vương vấn nhà ở” là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **đã sanh ra các sự thân thiết ở trong làng**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu sống gắn bó với hàng tại gia: Cùng vui, cùng buồn, hạnh phúc khi họ hạnh phúc, đau khổ khi họ đau khổ, tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Đây gia chủ, đã sanh ra các sự thân thiết ở trong làng là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **đã không sanh ra các sự thân thiết ở trong làng**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu sống không gắn bó với hàng tại gia: Không cùng vui, không cùng buồn, không hạnh phúc khi họ hạnh phúc, không đau khổ khi họ đau khổ, không tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Đây gia chủ, đã không sanh ra các sự thân thiết ở trong làng là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **không trông vắng đối với các dục**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu không xa lìa sự duyên ái, không xa lìa sự mong muốn, không xa lìa sự yêu mến, không xa lìa sự khát khao, không xa lìa sự nồng nhiệt, không xa lìa tham ái ở các dục. Đây gia chủ, không trông vắng đối với các dục là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **trông vắng đối với các dục**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu xa lìa sự duyên ái, xa lìa sự mong muốn, xa lìa sự yêu mến, xa lìa sự khát khao, xa lìa sự nồng nhiệt, xa lìa tham ái ở các dục. Đây gia chủ, trông vắng đối với các dục là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **có ước vọng**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu khởi ý như vậy: “Mong sao có sắc như vậy ở thời vị lai”, rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy; “Mong sao có thọ như vậy... “Mong sao có tướng như vậy... “Mong sao có hành như vậy... “Mong sao có thức như vậy ở thời vị lai”, rồi tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Đây gia chủ, có ước vọng là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là **không ước vọng**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu khởi ý như vậy: “Mong sao có sắc như vậy ở thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy; “Mong sao có thọ như vậy... “Mong sao có tướng như vậy... “Mong sao có hành như vậy... “Mong sao có thức như vậy ở thời vị lai”, rồi không tự lấy làm vui mừng về điều ấy. Đây gia chủ, không ước vọng là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là người **tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác]**? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu là người tạo ra cuộc nói chuyện có hình thức như vậy: “Người không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.” Đây gia chủ, người tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác] là như vậy.

Và đây gia chủ, thế nào là người **tạo ra cuộc nói chuyện không cãi vã**

với người [khác]? Đây gia chủ, ở đây có vị Tỳ-khưu là người tạo ra cuộc nói chuyện không có hình thức như vậy: “Người không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.” Đây gia chủ, người tạo ra cuộc nói chuyện không cãi vã với người [khác] là như vậy. Đây gia chủ, như thế là điều đã được nói đến bởi đức Thế Tôn ở câu hỏi của Māgandiya thuộc *Phẩm Nhóm tám*:

“Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].”

Này gia chủ, ý nghĩa của lời đã được đức Thế Tôn nói một cách vắn tắt này nên được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Sau khi từ bỏ chỗ ngụ, không có sự vương vấn nhà ở,
Vị Hiền trí không tạo ra các sự thân thiết ở trong làng,
[Vị ấy] là trống vắng đối với các dục, không ước vọng,
Không tạo ra cuộc nói chuyện cãi vã với người [khác].”

9.11. Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào, Bạc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy.
*Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn,
Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thêm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.*

Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào.

Với những điều nào: Là với những tà kiến nào.

Đã được tách biệt: Là đã được trống vắng, đã được tách biệt, đã được tách rời với uế hạnh về thân; đã được trống vắng, đã được tách biệt, đã được tách rời với uế hạnh về khẩu... với uế hạnh về ý... với luyện ái... (nt)... với tất cả các pháp tạo tác bất thiện.

Sống: Là thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào” là như thế.

Bạc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy.

Bạc Long Tượng: “Vị không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng, “vị không đi đến” là bậc Long Tượng, “vị không trở về” là bậc Long Tượng.

“Vị không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Điều tội

lỗi nói đến các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai.

“Vị không làm bất cứ điều tội lỗi nào ở thế gian, sau khi tháo gỡ tất cả các sự ràng buộc [và] các sự trói buộc, không bám víu vào bất cứ nơi đâu, đã được giải thoát, vị tự tại, có bản thể như thế, được gọi là ‘bậc Long Tượng.’”⁷

“Vị không làm điều tội lỗi” là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy.

“Vị không đi đến” là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Vị không đi đến sự thiên vị vì mong muốn, không đi đến sự thiên vị vì sân hận, không đi đến sự thiên vị vì si mê, không đi đến sự thiên vị vì sợ hãi, không đi đến do tác động của luyến ái, không đi đến do tác động của sân hận, không đi đến do tác động của si mê, không đi đến do tác động của ngã mạn, không đi đến do tác động của tà kiến, không đi đến do tác động của phóng dật, không đi đến do tác động của hoài nghi, không đi đến do tác động của pháp tiềm ẩn, không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi các pháp có tính chất phe nhóm. “Vị không đi đến” là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy.

“Vị không trở về” là bậc Long Tượng, nghĩa là thế nào? Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhập lưu, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. Các ô nhiễm nào đã được dứt bỏ bởi đạo Nhất lai... bởi đạo Bất lai... bởi đạo A-la-hán, các ô nhiễm ấy không đi về lại, không quay trở lại, không quay về lại. “Vị không quay về” là bậc Long Tượng, nghĩa là như vậy.

Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy: Không có trường hợp bậc Long Tượng sẽ chấp nhận, sẽ tiếp thu, sẽ nắm lấy, sẽ bám víu, sẽ chấp chặt; rồi sẽ nói, sẽ thuyết, sẽ phát ngôn, sẽ giảng giải, sẽ diễn tả các tà kiến ấy rằng: “Thế giới là thường còn,... (nt)... chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là chân lý, điều khác là rồ dại.”

“Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy” là như thế.

Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn.

Elam: Nói đến nước.

Ambujam: Nói đến cây sen.

Có gai [ở cuống]: Nói đến có cuống sắc sù.

Vāri: Nói đến nước.

Được sanh ra ở trong nước: Nói đến cây sen có nguồn sanh khởi từ nước.

Jalam: Nói đến nước.

⁷ Suttanipātapāli (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 159, câu kệ 525. (ND)

Bùn: Nói đến đất lầy. Giống như hoa sen được sanh ra ở trong nước, có nguồn sanh khởi từ nước, không bị lấm nhơ, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là] đã không bị lấm nhơ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn bởi nước và bùn.

“Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị vấy bẩn bởi nước và bùn” là như thế.

Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Bậc Hiền trí: Bản thể hiền trí nói đến trí,... (nt)... đã vượt qua sự quyến luyến và mạng lưới [tham ái và tà kiến], vị ấy là Hiền trí.

Nói về sự an tịnh: Bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, nói về nơi nương náu, nói về nơi trú ẩn, nói về nơi nương nhờ, nói về nơi không sợ hãi, nói về bất hoại, nói về bất tử, nói về Niết-bàn. “Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh” là như thế.

Không bị thèm khát: Thèm khát nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với vị nào, thèm khát ấy đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy được gọi là không bị thèm khát. Vị ấy không bị thèm khát ở sắc, không bị thèm khát ở thính... ở hương... ở vị... ở xúc... ở gia tộc... ở đồ chúng... ở chỗ ngụ... ở lợi lộc... ở danh vọng... ở lời khen... ở hạnh phúc... ở y phục... ở đồ ăn khát thực... ở chỗ nằm ngồi và ở vật dụng là thuốc men chữa bệnh... ở dục giới... ở sắc giới... ở vô sắc giới... ở cõi dục... ở cõi sắc... ở cõi vô sắc... ở cõi hữu tướng... ở cõi vô tướng... ở cõi phi tướng phi phi tướng... ở cõi một uẩn... ở cõi bốn uẩn... ở cõi năm uẩn... ở quá khứ... ở vị lai... ở hiện tại... ở các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị găn gù, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ, có sự thèm khát đã được tẩy trừ, có sự thèm khát đã được giải thoát, có sự thèm khát đã được dứt bỏ, có sự thèm khát đã được buông bỏ, có sự luyến ái đã được xa lìa, có sự luyến ái đã được tách lìa, có sự luyến ái đã được từ bỏ, có sự luyến ái đã được tẩy trừ, có sự luyến ái đã được giải thoát, có sự luyến ái đã được dứt bỏ, có sự luyến ái đã được buông bỏ, không còn khao khát, được tịch diệt, có trạng thái mát mẻ, có sự cảm thọ lạc, sống với trạng thái cao thượng tự thân. “Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thèm khát” là như thế.

Không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.

Các dục: Theo sự phân loại thì có hai loại dục: Vật dục và ô nhiễm dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là vật dục. ... (nt)... Các điều này được gọi là ô nhiễm dục.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Lắm nhớ: Có hai sự lắm nhớ: Lắm nhớ do tham ái và lắm nhớ do tà kiến. ... (nt)... điều này là lắm nhớ do tham ái. ... (nt)... điều này là lắm nhớ do tà kiến. Bậc Hiền trí sau khi dứt bỏ lắm nhớ do tham ái, sau khi buông bỏ lắm nhớ do tà kiến, không bị lắm nhớ ở dục và ở thế gian, không bị nhiễm bẩn, không bị vấy bẩn, [là người] đã không bị lắm nhớ, đã không bị nhiễm bẩn, đã không bị vấy bẩn, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thêm khát, không bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Sống ở thế gian, [bản thân] đã được tách biệt với những điều nào,
Bậc Long Tượng sẽ không tiếp thu và sẽ không nói về những điều ấy.
Giống như cây sen có gai [ở cuống], được sanh ra ở trong nước, không bị
vấy bẩn bởi nước và bùn,*

*Tương tự như vậy, bậc Hiền trí nói về sự an tịnh, không bị thêm khát, không
bị vấy bẩn ở dục và ở thế gian.”*

9.12. *Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị
ấy đi đến ngã mạn, bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính. Không do hành
động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi; vị ấy
không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt.*

**Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà
vị ấy đi đến ngã mạn.**

Không: Là sự phủ định.

Bậc đã đạt được sự hiểu biết: Sự hiểu biết nói đến trí [ở bốn đạo], tuệ, tuệ quyền, tuệ lực, trạch pháp giác chi, sự thâm xét, sự thấy rõ, chánh kiến ở bốn đạo. Với các sự hiểu biết ấy, [vị ấy] đã đi đến điểm cuối đối với sanh-già-chết, đã đạt đến điểm cuối, đã đi đến đỉnh, đã đạt đến đỉnh, đã đi đến tận cùng, đã đạt đến tận cùng, đã đi đến sự hoàn tất, đã đạt đến sự hoàn tất, đã đi đến nơi nương náu, đã đạt đến nơi nương náu, đã đi đến nơi trú ẩn, đã đạt đến nơi trú ẩn, đã đi đến nơi nương nhờ, đã đạt đến nơi nương nhờ, đã đi đến nơi không sợ hãi, đã đạt đến nơi không sợ hãi, đã đi đến bất hoại, đã đạt đến bất hoại, đã đi đến bất tử, đã đạt đến bất tử, đã đi đến Niết-bàn, đã đạt đến Niết-bàn đối với sanh-già-chết. “Người đã đi đến điểm cuối của các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc “người đã đi đến điểm cuối nhờ vào các sự hiểu biết” là bậc đã đạt được sự hiểu biết, hoặc bậc đã đạt được sự hiểu biết là người có trạng thái đã hiểu biết về bảy pháp: Sự nhận thức sai trái về thân đã được hiểu biết, sự hoài

ngghi đã được hiểu biết, sự bám víu vào giới và phận sự đã được hiểu biết, sự luyến ái đã được hiểu biết, sân hận đã được hiểu biết, si mê đã được hiểu biết, ngã mạn đã được hiểu biết; đối với người này, các ác bất thiện pháp, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai là đã được hiểu biết.

[Đức Thế Tôn nói: “Này Sabhiya] vị đã suy gẫm toàn bộ các loại kiến thức thuộc về các Sa-môn, thuộc về các Bà-la-môn, vị đã xa lìa sự luyến ái ở tất cả các cảm thọ, vị đã vượt qua mọi kiến thức, vị ấy là ‘bậc đã đạt được sự hiểu biết.’”⁸

Không do tà kiến: Đối với vị ấy, sáu mươi hai tà kiến là đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ. Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi tà kiến, cũng không xem tà kiến ấy là có cốt lõi và cũng không quay về lại. “Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến” là như thế.

Không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn: Vị ấy không đi đến ngã mạn do [hương, vị, xúc] đã được cảm giác, hoặc do thỉnh từ người khác, hoặc do quy ước của số đông người, không tiếp cận, không đi đến gần, không nắm lấy, không bám víu, không chấp chặt.

“Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn” là như thế.

Bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính: Không do tác động của tham ái, không do tác động của tà kiến mà [vị ấy] có điều ấy là bản tính, có điều ấy là tối hậu, có điều ấy là cứu cánh. Khi nào tham ái, tà kiến và ngã mạn của vị này là được dứt bỏ, có lẽ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai; cho đến như thế thì [vị ấy] không có điều ấy là bản tính, không có điều ấy là tối hậu, không có điều ấy là cứu cánh.

“Bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính” là như thế.

Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi.

Không do hành động: Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi phúc hành, hoặc bởi phi phúc hành, hoặc bởi bất động hành.⁹ “Không do hành động” là như thế.

Cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi: Vị ấy không bị đưa đi, không bị dẫn đi, không bị lôi đi, không bị mang đi bởi sự trong sạch do điều đã được nghe, hoặc do nghe từ người khác, hoặc do quy ước của số đông người.

⁸ *Suttanipāṭapāḷi* (Kinh tập), TTPV, tập 29, trang 161, câu kệ 532. (ND)

⁹ Xem chú thích về “phúc hành, phi phúc hành, bất động hành” ở trang 77. (ND)

“Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi” là như thế.

Vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt.

Sự vương bận: Có hai sự vương bận: Sự vương bận do tham ái và sự vương bận do tà kiến. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tham ái. ... (nt)... điều này là sự vương bận do tà kiến. Đối với vị ấy, sự vương bận do tham ái đã được dứt bỏ, sự vương bận do tà kiến đã được buông bỏ. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với sự vương bận do tham ái, do trạng thái đã được buông bỏ đối với sự vương bận do tà kiến, vị ấy không bị dẫn dắt vào các sự chấp chặt, không bị vấy bẩn, không tiến vào, không bám chặt, không hướng đến, đã đi ra ngoài, đã được rời ra, đã được thoát khỏi, không bị ràng buộc, sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bậc đã đạt được sự hiểu biết không do tà kiến, không do cảm giác mà vị ấy đi đến ngã mạn, bởi vì vị ấy không có điều ấy là bản tính. Không do hành động, cũng không do điều đã được nghe mà vị ấy có thể bị dẫn đi; vị ấy không bị dẫn dắt vào trong các sự chấp chặt.”

9.13. Đối với vị đã xa lìa tướng, các trói buộc không hiện hữu,
Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu.
Và những người nào nắm giữ tướng và tà kiến,
Những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian.

Đối với vị đã xa lìa tướng, các trói buộc không hiện hữu: Vị nào tu tập Thánh đạo có thiên chỉ tịnh là yếu tố đi trước, các trói buộc liên quan đến giai đoạn đầu của vị ấy được đè nén; khi đạt đến quả vị A-la-hán, các trói buộc, các si mê, các pháp che lấp, và các dục tướng, sân tướng, hại tướng, tà kiến tướng được dứt bỏ, có lẽ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai.

“Đối với vị đã xa lìa tướng, các trói buộc không hiện hữu” là như thế.

Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu: Vị nào tu tập Thánh đạo có thiên minh sát là yếu tố đi trước, các si mê liên quan đến giai đoạn đầu của vị ấy được đè nén; khi đạt đến quả vị A-la-hán, các si mê, các trói buộc, các pháp che lấp, và các dục tướng, sân tướng, hại tướng, tà kiến tướng được dứt bỏ, có lẽ đã được cắt lìa, như cây thốt nốt đã bị cụt ngọn, đã bị làm cho không còn hiện hữu, không còn điều kiện sanh khởi trong tương lai.

“Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu” là như thế.

Và những người nào nắm giữ tướng và tà kiến, những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian: Những kẻ nào nắm lấy tướng, dục tướng, sân tướng, hại tướng; do tác động của tướng, những kẻ ấy gây đụng chạm, gây xung

đột. Các vị vua tranh cãi với các vị vua, các Sát-đế-ly tranh cãi với các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn tranh cãi với các Bà-la-môn, các gia chủ tranh cãi với các gia chủ, mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh [em] trai tranh cãi với anh [em] trai, chị [em] gái tranh cãi với chị [em] gái, anh [em] trai tranh cãi với chị [em] gái, chị [em] gái tranh cãi với anh [em] trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè. Tại nơi ấy, chúng đạt đến sự cãi cọ, sự cãi vã, sự tranh cãi, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau bằng những gươm đao. Tại nơi ấy, chúng đi đến cái chết, thậm chí sự khổ đau kề cận cái chết. Những kẻ nào nắm lấy tà kiến rằng: “Thế giới là thường còn”,... (nt)... hoặc: “Chúng sanh không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết”; do tác động của tà kiến, những kẻ ấy gây đụng chạm, gây xung đột; chúng gây đụng chạm bậc Đạo sư [này] với bậc Đạo sư [khác], chúng gây đụng chạm giáo lý [này] với giáo lý [khác], chúng gây đụng chạm tập thể [này] với tập thể [khác], chúng gây đụng chạm quan điểm [này] với quan điểm [khác], chúng gây đụng chạm lối thực hành [này] với lối thực hành [khác], gây đụng chạm đạo lộ [này] với đạo lộ [khác].

Hoặc là, chúng tranh cãi, rồi gây ra sự cãi cọ, gây ra sự cãi lộn, gây ra sự cãi vã, gây ra sự tranh cãi, gây ra sự gây gổ rằng: “Người không biết Pháp và Luật này... (nt)... hoặc người hãy gỡ rồi nêu người có khả năng.” Các sự tạo tác của chúng chưa được dứt bỏ; do trạng thái chưa được dứt bỏ của các sự tạo tác, chúng gây đụng chạm ở địa ngục, chúng gây đụng chạm ở loài thú, chúng gây đụng chạm ở thân phận ngạ quỷ, chúng gây đụng chạm ở nhân giới, chúng gây đụng chạm ở thiên giới, chúng gây đụng chạm, chúng gây xung đột cảnh giới tái sanh [này] với cảnh giới tái sanh [khác], sự tái sanh [này] với sự tái sanh [khác], sự nối liền tái sanh [này] với sự nối liền tái sanh [khác], sự hiện hữu [này] với sự hiện hữu [khác], sự luân hồi [này] với sự luân hồi [khác], sự luân chuyển [này] với sự luân chuyển [khác]. Trong khi gây đụng chạm, chúng sống, cư xử, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh... (nt)... ở thế gian của loài người.

“Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến, những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Đối với vị đã xa lìa tưởng, các trói buộc không hiện hữu,
Đối với vị đã được giải thoát do tuệ, các si mê không hiện hữu.
Và những người nào nắm giữ tưởng và tà kiến,
Những người ấy sống, gây đụng chạm ở thế gian.”*

“Diễn giải kinh về Māgandiya” - Phần thứ chín.